

Số: 886 /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp
Bình Vàng, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ - CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ - CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/03/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/07/2005 của Bộ Xây dựng ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BXD, ngày 09/6/2011 của Bộ Xây dựng Quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng;

Căn cứ các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành khác liên quan;



Căn cứ Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN Bình Vàng - Huyện Vị Xuyên - Tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 27/5/2008 của UBND tỉnh Hà Giang về việc duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Bình Vàng, tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Kết luận phiên họp tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh tại Thông báo số 83/TB-UBND, ngày 09 tháng 5 năm 2013;

Xét Báo cáo số 68/BC-SXD ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bình Vàng, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; đề nghị của Ban quản lý các khu công nghiệp tại Tờ trình số 77/TTr-BQLKCN, ngày 20/3/2013 của Ban quản lý các khu công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bình Vàng, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đề án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bình Vàng, tỉnh Hà Giang.

2. Loại quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Giang.

4. Nguồn vốn đầu tư hạ tầng: Vốn ngân sách nhà nước.

5. Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Bình Vàng, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

6. Quy mô, phạm vi quy hoạch: 254,765 ha.

7. Tổ chức tư vấn lập, điều chỉnh quy hoạch: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Á Châu. Địa chỉ: Tổ 17B, khu 3, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

8. Lý do, sự cần thiết lập, điều chỉnh quy hoạch:

Khu công nghiệp Bình Vàng nằm trong hệ thống các khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 về phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Bình Vàng đã được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 3115 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2007. Trong quá trình triển khai thực hiện theo quy hoạch đã phát sinh nhiều yếu tố mới cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Để có cơ sở triển khai thực hiện, quản lý quỹ đất, lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và triển khai dự án của các nhà đầu tư, việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bình Vàng, tỉnh Hà Giang là cần thiết.

9. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:

- Điều chỉnh quy hoạch khu công nghiệp Bình Vàng đảm bảo phù hợp với nhu cầu diện tích đã giao cho các nhà máy trong khu công nghiệp.

- Đề xuất phương án sử dụng đất, bố trí giao thông phù hợp đảm bảo đồng bộ hiện đại theo quy hoạch phát triển chung của khu vực.

- Nghiên cứu đề xuất quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp như: cao độ san nền đảm bảo cân bằng khối lượng đào đắp, tiết kiệm kinh phí đầu tư.

- Nghiên cứu xác định nhu cầu dùng điện, nước đề xuất các giải pháp thiết kế hạ tầng kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường, tính toán tổng mức đầu tư.

- Xác lập cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch chi tiết và triển khai lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng.

10. Nội dung lập quy hoạch điều chỉnh:

- Điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bình Vàng có quy mô: **254,765 ha**, trong đó: Giai đoạn 1: **138,86 ha**.

- Trên cơ sở chủ trương phát triển ngành công nghiệp của Tỉnh, dự kiến sẽ bố trí các khu vực thuộc các ngành nghề chính sau đây:

+ Công nghiệp xử lý chế biến nông lâm sản

+ Công nghiệp vật liệu xây dựng

+ Chế biến khoáng sản và luyện kim

+ Nhà máy gỗ ván ép

+ Các loại hình công nghiệp khác

- Các doanh nghiệp khi đầu tư vào khu công nghiệp cần phải có dây chuyền công nghệ tiên tiến, có hệ thống xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước, sử dụng các nguồn nguyên vật liệu và nhân công lao động của địa phương, cam kết bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Công nghiệp chế biến khoáng sản, luyện kim là ngành công nghiệp mà tỉnh đang có thế mạnh có dự kiến phát triển để tăng kim ngạch xuất khẩu và cũng là nhóm ngành nghề có nhiều nhà đầu tư đến đặt vấn đề được đầu tư.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng sẽ tập trung vào đầu tư sản xuất các loại có nguồn nguyên liệu như: Đá xẻ, đá xây dựng...

11. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

Tỷ lệ các loại đất trong khu công nghiệp phải đảm bảo theo định mức sau:

Loại đất	Tỷ lệ (% diện tích toàn khu)
Nhà máy, kho tàng	≥55
Các khu kỹ thuật	≥1
Công trình hành chính, dịch vụ	≥1
Giao thông	≥8
Cây xanh	≥10

b) Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật :

- Chỉ tiêu cấp điện:

- + Đất xây dựng nhà máy công nghiệp: 350KW/ha
- + Đất ở công nhân : 100KW/ha
- + Đất kho tàng 100KW/ha
- + Khu hành chính dịch vụ 150KW/ha
- + Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối 100KW/ha
- + Đất cây xanh 7KW/ha
- + Đất giao thông 8KW/km

- Chỉ tiêu cấp nước:

- + Nước sản xuất cấp cho các xí nghiệp CN : 22m³/ha
- + Nước cấp cho trung tâm điều hành: 5m³/ha
- + Nước cấp cho khu hạ tầng kt: 5m³/ha
- + Nước tưới rửa đường : 4 m³/ha
- + Nước sinh hoạt cho CBCNV: trung bình 60lít/người/ngày.

- Chỉ tiêu thoát nước thải:

+ Các nhà máy khi xả nước thải công nghiệp ra hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp cần phải đảm bảo chất lượng nước thải công nghiệp ra khỏi nhà máy không thấp hơn mức C theo TCVN-5945-2005.

+ Trạm xử lý nước thải có nhiệm vụ làm sạch nước thải đến tiêu chuẩn nước loại A theo TCVN 5945-95.

- Các chỉ tiêu Hạ tầng kỹ thuật khác: Đảm bảo theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.

12. Quy hoạch phát triển không gian:

12.1. Phần không điều chỉnh quy hoạch:

Các tuyến đường D1, DN1, D3, D3A đang thực hiện đầu tư xây dựng giữ nguyên theo quy hoạch và thiết kế được duyệt.

12.2. Phần điều chỉnh quy hoạch:

- Cắt bỏ các tuyến đường tuyến đường DN2.
- Cắt bỏ đoạn từ đường DN4 đến cuối tuyến D1 tuyến D3.
- Điều chỉnh lại mặt cắt đường D2.
- Chia lô, ghép các lô đất nhỏ theo quy hoạch thành các lô đất có diện tích lớn hơn để cấp cho các nhà đầu tư thuê lại đất, bố trí lại quy mô, kích thước và vị trí các lô đất đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật.
- Bố trí các lô đất dịch vụ, công nghiệp vào phần diện tích cây xanh dọc bờ Sông Lô.

12.3 Quy hoạch sử dụng đất:

* Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	TỔNG DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ %
1	Đất xây dựng trung tâm điều hành, dịch vụ	7,29	2,86
2	Đất xây dựng các xí nghiệp công nghiệp	189,061	74,21
3	Đất xây dựng các công trình đầu mối kỹ thuật	3,98	1,56
4	Đất cây xanh tập trung, cách ly	29,637	11,63
5	Đất xây dựng đường giao thông	24,797	9,73
	Tổng cộng	254,765	100

12.4. Tổ chức không gian và kiến trúc cảnh quan:

a) Đất xây dựng nhà máy, kho tàng:

Toàn bộ khu công nghiệp, căn cứ vào diện tích thuê đất thực tế của các đơn vị trong khu công nghiệp đã cấp phép đầu tư để phân chia đất xây dựng cho phù hợp. Các diện tích còn lại được chia thành các lô nhà máy theo nguyên tắc:

Diện tích các lô trong khoảng từ 2-5ha.

Chiều sâu các lô không vượt quá 1,5-2 lần chiều rộng.

Mỗi lô đều tiếp giáp với hệ thống đường nội bộ cũng như hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu.

Các đơn vị trong khu thuộc các ngành nghề đã được dự kiến được bố trí thành từng nhóm để tiện cho hoạt động sản xuất cũng như quản lý vệ sinh môi trường.

Mật độ xây dựng các nhà máy: 50÷60%; hệ số sử dụng đất: 1÷1,2 lần; tầng cao trung bình: 1-3 tầng.

Các nhà máy phải được quy hoạch hợp lý, ưu tiên các nhà máy công nghệ sạch, sử dụng công nghệ cao, ít ồn, bố trí về phía Tây khu công nghiệp. Các nhà máy gây ồn, có hàm lượng bụi và khí thải nhiều hơn phải bố trí vào trong, về cuối hướng gió và phải có biện pháp cách ly, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường.

b. Khu trung tâm, dịch vụ đầu mối:

Khu trung tâm, dịch vụ đầu mối khu công nghiệp có diện tích là 7,29 ha chiếm 2,86%.

Các công trình xây dựng tại khu trung tâm và dịch vụ đầu mối bao gồm:

- + Nhà điều hành, quản lý khu công nghiệp.
- + Khối văn phòng.
- + Khối các cơ quan quản lý nhà nước: thuế vụ, hải quan.
- + Khối dịch vụ: ngân hàng, khu thể thao, giải trí.
- + Dịch vụ cho thuê, sân bãi...

c. Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Đất để xây dựng các công trình đầu mối kỹ thuật trong toàn khu công nghiệp (bao gồm các trạm điện, nhà máy cấp nước, trạm xử lý nước thải).

d. Đất xây dựng hệ thống đường giao thông:

Tổ chức hệ thống đường giao thông theo trục chính và trục nhánh trong khu công nghiệp, tạo thành các ô bàn cờ, tiếp cận tới từng lô đất nhà máy. Diện tích đất giao thông 24,797 ha, chiếm 9,73% diện tích toàn khu KCN. Trong đó:

Diện tích đường bãi trong các nhà máy được thiết kế cụ thể theo mặt bằng dây chuyền sử dụng của từng nhà máy.

e. Đất cây xanh, mặt nước:

Trên toàn Khu công nghiệp, cây xanh được bố trí kết hợp giữa cây xanh tập trung và cây xanh phân tán theo các trục giao thông trong Khu công nghiệp. Ngoài ra còn bố trí dải cây xanh cách ly giữa Khu công nghiệp và khu vực xung quanh. Dự kiến quy hoạch khu cây xanh khoảng 29,637 ha, chiếm 11,63 % diện tích toàn khu công nghiệp.

13. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

13.1 Chuẩn bị kỹ thuật:

- Đảm bảo sự tiêu thoát nước nhanh, không ngập lụt trong quá trình sử dụng.

- Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực xây dựng, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu, thoát hiện có của khu vực lân cận.
- Khối lượng thi công đào, đắp ít nhất, tiết kiệm kinh phí đầu tư.
- Cao độ san nền:
 - + Chọn cao độ khống chế mặt đường: + 93,50m
 - + Chọn cao độ khống chế san nền: + 93,60m
- Đối với khu vực thung lũng thấp giáp sông Lô, san nền dốc từ trong lô đất dốc ra các tuyến đường bao xung quanh với độ dốc san nền $i=0,4\%$ nhằm giảm khối lượng đắp.
- Đối với khu vực đồi phía Đông, san nền từ lô đất dốc ra tuyến đường với độ dốc san nền $i=0,5\% \div 4\%$. Đồng thời tiến hành giạt cấp tại một số vị trí có chênh cốt lớn nhằm giảm khối lượng đào đắp.

13.2. Quy hoạch giao thông:

- Hệ thống giao thông nội bộ được bố trí đáp ứng cho sự đi lại các phương tiện giao thông đến từng lô đất một cách dễ dàng, thuận tiện và phù hợp với quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Trắc dọc tuyến được thiết kế phù hợp với cao độ và độ dốc san nền.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Đường D-1: Tuyến đường trục chính theo hướng Bắc- Nam: Mặt cắt ngang đường (MC 1-1): Lộ giới: 39,00 m.

+ Đường N-1: Tuyến đường chính theo hướng Đông- Tây: Mặt cắt ngang đường (MC 2-2): Lộ giới: 41,00m.

+ Đường D-2: Tuyến đường nhánh: Mặt cắt ngang đường (MC 3-3): Lộ giới: 27,0m.

+ Đường D-3, D-2A: Tuyến đường nhánh: Mặt cắt ngang đường (MC 4-4): Lộ giới: 23,25m.

13.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Xây dựng một nhà máy nước cấp lấy nước mặt từ sông Lô để xử lý và cung cấp cho các nhà máy.

- Nguồn nước: nguồn nước mặt lấy từ sông Lô.

- Hệ thống cấp nước cho khu công nghiệp bao gồm: Hệ thống ống dẫn nước thô từ trạm bơm nước sông Lô hiện có dẫn về nhà máy nước và mạng lưới đường ống phân phối nước.

- Công suất nhà máy nước (tính cho cả KCN): 6.000 m³/ngày. Dự kiến nhà máy nước được xây dựng thành 2 đơn nguyên, giai đoạn 1 xây dựng đơn nguyên 1, công suất $Q=3.000\text{m}^3/\text{ngàyđêm}$.

- Mạng lưới cấp nước của khu công nghiệp là đường ống cấp nước kết hợp: cấp nước sản xuất - sinh hoạt và chữa cháy theo một đường ống chung và được thiết kế theo mạng vòng.

13.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước:

- Phương án thoát nước: Kiểu hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn gồm: mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt + sản xuất riêng.

- Thoát nước thải: Toàn bộ nước thải sản xuất và sinh hoạt cần được xử lý trong từng nhà máy đạt tiêu chuẩn nước loại C theo TCVN 5945-2005 sẽ được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung ở khu vực phía Tây Nam KCN.

- Thoát nước mưa: Toàn bộ nước mưa trong khu công nghiệp được thu gom vào tuyến rãnh xây gạch đập đan BTCT thoát đổ tuyến mương tiêu xung quanh khu công nghiệp.

a) Mạng lưới thoát nước mưa.

- Hướng thoát nước chính: Toàn bộ nước mưa trong khu vực được thu gom thoát theo độ dốc san nền chảy theo hướng Đông – Tây sau đó chảy ra sông Lô.

- Tuyến thoát nước mưa sử dụng rãnh thoát nước tiết diện chữ nhật B=600-1500mm.

- Kết cấu các rãnh thoát nước: rãnh trên hè dùng kết cấu xây đá hộc đập đan BTCT, đối với các đoạn qua đường dùng công hợp BTCT.

b) Hệ thống thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn thải nước: Các nhà máy khi xả nước thải công nghiệp ra hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp cần phải đảm bảo chất lượng nước thải công nghiệp ra khỏi nhà máy không thấp hơn mức C theo TCVN-5945-2005. Các nhà máy có những dây chuyền xả nước thải công nghiệp đặc biệt độc hại có chất lượng thấp hơn mức C theo TCVN sẽ phải tiến hành tiền xử lý nước thải cho các dây chuyền này để đảm bảo nước thải công nghiệp sau khi được xử lý trong nhà máy phải đạt chất lượng như đã nêu trên.

- Mạng lưới thoát nước bản:

+ Toàn bộ nước thải của khu công nghiệp được thoát theo hướng từ Bắc xuống trạm xử lý nằm ở phía Tây Nam của khu công nghiệp.

+ Các tuyến ống thoát nước thải sử dụng ống BTCT đúc sẵn đặt bên hè đường để thu nước thải từ các nhà máy dẫn tự chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của cả khu công nghiệp.

- Trạm xử lý nước thải:

+ Công suất trạm xử lý toàn KCN: 4412 m³/ ngày

+ Nước thải khi xả vào mạng lưới đường ống thoát nước thải phải được xử lý sơ bộ trong từng nhà máy đạt tới giá trị C " *Tiêu chuẩn xả nước thải công nghiệp*" TCVN 5945- 95.

+ Trạm xử lý nước thải có nhiệm vụ làm sạch nước thải đến tiêu chuẩn nước loại A theo TCVN 5945-95 đạt yêu cầu được xả vào nguồn nước dùng làm nguồn cấp nước.

+ Để tạo thuận lợi cho quá trình đầu tư xây dựng dự kiến phân đợt xây dựng nhà máy xử lý nước thải thành 2 giai đoạn quy mô tương đương nhau, trong đó giai đoạn 1 có công suất $Q = 2.206 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Công nghệ xử lý: Lý- Hoá-Vi sinh kết hợp, với bể Aerôten làm việc liên tục.

13. 5. Quy hoạch hệ thống điện:

Tổng hợp phụ tải:

STT	Hạng mục	Qui mô	Chỉ tiêu	Công suất (KW)
1	Khu điều hành	7,29 ha	100kW/ha	729,0
2	Đất công nghiệp	189,061 ha	350KW/ha	66.171,35
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	3,98 ha	100kW/ha	398,0
5	Cây xanh	29,637 ha	7kW/ha	207,46
6	Đất giao thông	7,88 km	8kW/km	63,04
	Tổng công suất			67.568,85
8	Dự phòng 10%			6.756,89
9	Tổng công suất bao gồm dự phòng			74.325,74

Dự kiến đặt lắp đặt hai trạm biến áp 110/35/22KV - 40MVA.

Nguồn điện: Lấy nguồn từ lưới 110KV của điện lực Hà Giang đưa điện đến trạm biến áp 110/35/22KV của khu công nghiệp.

13.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Thiết kế hệ thống thông tin điện thoại phải sử dụng mạng cáp gốc của tổng đài bưu điện kéo tới phục vụ cho các máy thuê bao trong khu vực.

Khối lượng trong phạm vi dự án:

- Lắp đặt mạng cáp gốc từ tổng đài điện thoại về tủ cáp chính .
- Lắp đặt mạng cáp từ các tủ cáp chính đến các tủ cáp phụ tới hộp cáp và đến các máy thuê bao.
- Bưu điện tỉnh Hà Giang sẽ đầu tư và thu hồi vốn theo dự án kinh doanh của ngành.

13.7. Thu gom và xử lý chất thải rắn:

Chất thải rắn được tập kết tại từng nhà máy, cuối ngày sẽ được thu gom và vận chuyển đến nơi chôn lấp và xử lý rác thải rắn tập trung của Tỉnh theo quy định. Ngoài ra, chất thải rắn như xỉ lò cao sẽ được vận chuyển để dùng làm phụ gia cho các nhà máy xi măng.

14. Khái toán kinh phí thực hiện:

- Phân tách thành hai giai đoạn để thuận lợi cho công tác triển khai đầu tư hạ tầng và xây dựng nhà máy.

+ Giai đoạn I có diện tích: 138,86ha.

+ Giai đoạn II có diện tích: 115,905ha

- Tổng mức đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp:

+ Suất đầu tư sơ bộ: 4,5 tỷ đồng/ha.

- Tổng mức đầu tư: $254,765 \text{ ha} \times 4,5 \text{ tỷ đồng} = 1.146,44 \text{ tỷ đồng}$.

(Một nghìn, một trăm bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng)

15. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Ban quản lý Các khu công nghiệp tỉnh Hà Giang.

- Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Á Châu.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Hà Giang.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Hà Giang.

*** Thời gian tiến độ lập quy hoạch:**

- Lập và phê duyệt quy hoạch: Quý II/2013.

- Triển khai thực hiện quy hoạch: Sau khi công bố quy hoạch và khả năng thực hiện của các dự án.

Điều 2. Ban quản lý các khu công nghiệp chủ trì, phối hợp cùng UBND huyện Vị Xuyên, các ngành liên quan có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu công nghiệp Bình Vàng, huyện Vị Xuyên.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý, triển khai quy hoạch thực hiện quy hoạch; tập trung huy động vốn đầu tư để thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan; nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí điều tra, khảo sát và lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp, Kho Bạc nhà nước tỉnh Hà Giang. Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND huyện Vị Xuyên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (thay BC);
- Thường trực HĐND tỉnh (thay BC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu VT, CV: CN, XD, TNMT, KT *kt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Sơn